CHÍNH PHỦ

BẢN THUYẾT MINH
Về dự thảo Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế (sửa đổi)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 (sau đây gọi tắt là "Luật ĐƯQT" hoặc "Luật 2005") gồm 9 chương, 107 điều được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006, thay thế Pháp lệnh Ký kết và thực hiện điều ước quốc tế năm 1998. Việc ban hành luật này có ý nghĩa quan trọng cả về đối nội và đối ngoại, phục vụ tích cực, kịp thời cho yêu cầu gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới và hội nhập kinh tế quốc tế. Luật ĐƯQT đã tạo điều kiện cho các Bộ, ngành chủ động đề xuất ký kết điều ước quốc tế theo một quy trình thống nhất, tạo cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong hoạt động ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế một cách đầy đủ, nhịp nhàng, phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Luật ĐƯQT đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập, khiến cho việc áp dụng, thực hiện Luật và thực thi điều ước quốc tế thiếu nhất quán, hiệu quả và hiệu lực không cao, chưa đảm bảo yêu cầu cải cách tư pháp cũng như chưa đáp ứng các đòi hỏi ngày càng cao của tình hình thực tế để thực hiện chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam. Hiến pháp năm 2013 có hiệu lực cũng làm cho một số quy định của Luật không còn phù hợp, hoặc đặt ra yêu cầu bổ sung những quy định còn thiếu để triển khai Hiến pháp. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, ĐƯQT hiện nay rất đa dạng về lĩnh vực, đối tác, mức độ phức tạp. Đồng thời, so với thời điểm ban hành Luật ĐƯQT năm 2005, năng lực, trình độ của các cơ quan, cán bộ trực tiếp tham gia quá trình ký kết và thực hiện ĐƯQT nhìn chung đã được nâng lên. Trong khi đó, Luật ĐƯQT năm 2005 chỉ quy định một quy trình ký kết ĐƯQT duy nhất, áp dụng cho cả ĐƯQT phức tạp, thời gian nghiên cứu, đàm phán kéo dài, cũng như ĐƯQT đơn giản hoặc theo mẫu ta đã ký kết với cùng đối tác hoặc với các đối tác khác nhau, hoặc có yêu cầu gấp về thời gian. Việc thực hiện quy trình nhiều khi mang tính hình thức, chồng chéo, gây tốn thời gian, công sức mà chưa đề cao được trách nhiệm của mỗi cơ quan.

Nhu cầu thực hiện chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đòi hỏi một quy trình ký kết ĐƯQT nhanh chóng, linh hoạt khi cần tranh thủ cơ hội,

phục vụ lợi ích của đất nước, đồng thời chặt chẽ về thẩm quyền, có sự kiểm tra, phân công, giám sát nhằm tránh sơ hở, rủi ro; quyền chủ động đề xuất phải đi kèm với trách nhiệm trong việc ký kết ĐƯQT và nghĩa vụ triển khai thực hiện ĐƯQT. Luật ĐƯQT cần được sửa đổi để phản ánh nhu cầu trên.

Thứ hai, hiệu quả của việc ký kết ĐƯQT cũng như thực hiện ĐƯQT chưa cao. Trong số khoảng 2000 ĐƯQT được ký trong gần 10 năm thực hiện Luật ĐƯQT 2005, một số ĐƯQT chưa đem lại hiệu quả thiết thực về kinh tế - xã hội. Bên cạnh các quy định thường gặp trong ĐƯQT chỉ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các quốc gia thành viên, có những ĐƯQT có quy định làm phát sinh quyền, nghĩa vụ cho cá nhân, tổ chức; mỗi loại quy định đòi hỏi cách thức thực hiện khác nhau ngay cả khi cùng tồn tại trong một ĐƯQT. Một số ĐƯQT không triển khai được vì thiếu cơ sở thực tế, kém khả thi hoặc do thiếu nguồn lực. Việc ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện ĐƯQT còn chậm trễ, ảnh hưởng đến việc thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam.

Trách nhiệm của cơ quan đề xuất ký kết ĐƯQT chưa gắn với trách nhiệm triển khai thực hiện cam kết của phía Việt Nam trong ĐƯQT. Việc tổ chức theo dõi và đánh giá việc thực hiện ĐƯQT, bao gồm cả đánh giá hiệu quả của ĐƯQT, ban hành văn bản pháp luật để thực hiện các cam kết quốc tế và tăng cường vai trò giám sát của Quốc hội chưa được thực hiện thường xuyên, có hệ thống. Nguyên nhân của những vấn đề nêu trên không chỉ là do tổ chức thực hiện Luật, mà còn do những bất cập trong ngay Luật ĐƯQT năm 2005.

Thứ ba, phạm vi điều chỉnh của Luật ĐƯQT quá rộng, bao gồm cả các văn kiện không ràng buộc về pháp lý, không tạo ra quyền, nghĩa vụ đối với Việt Nam, không phải là ĐƯQT theo quy định của Công ước Viên năm 1969 về Luật điều ước quốc tế. Do các văn bản này được coi là "điều ước quốc tế" theo quy định của Luật ĐƯQT nên trình tự, thủ tục áp dụng đối với việc ký kết phải tuân thủ quy trình chung của Luật ĐƯQT; giá trị pháp lý của các văn bản này cũng không được xác định nhất quán, gây khó khăn nhất định trong việc ký kết, sửa đổi, gia hạn cũng như việc thực hiện.

Thứ tư, Hiến pháp năm 2013 sửa đổi một số quy định liên quan đến thẩm quyền của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trong ký kết, gia nhập ĐƯQT, dẫn đến yêu cầu phải sửa đổi các quy định tương ứng trong Luật, bổ sung một số quy định còn thiếu về quy trình thực hiện các thay đổi về thẩm quyền nêu trên. Các quy định của Hiến pháp năm 2013 về đối ngoại nói chung và ký kết ĐƯQT nói riêng cũng như các nguyên tắc và tư tưởng chỉ đạo sửa đổi Hiến pháp năm 2013 cần được triển khai, cụ thể hóa trong luật.

Thứ năm, Luật chưa có các quy định về tham vấn, lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động của ĐƯQT, đặc biệt là sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình ký kết ĐƯQT; chưa quy định việc công bố, công khai,

minh bạch hóa nội dung ĐƯQT để tạo thuận lợi cho việc triển khai và tuân thủ thực hiện ĐƯQT phù hợp với cam kết về minh bạch hóa trong các hiệp định FTA mà ta đã ký kết và đang đàm phán.

Thứ sáu, về kỹ thuật văn bản, Luật ĐƯQT có một số nội dung được quy định quá chi tiết, rải rác ở nhiều điều, thiếu linh hoạt dẫn đến khó theo dõi, áp dụng; một số quy định lấy từ Công ước Viên 1969 về Luật điều ước quốc tế chỉ có giá trị trong quan hệ ký kết, thực hiện ĐƯQT giữa các quốc gia, không có giá trị áp dụng trong nước và trong thực tiễn cũng chưa bao giờ được áp dụng.

Từ những lý do trên, việc sửa đổi một cách toàn diện Luật ĐƯQT năm 2005 hiện đang là nhu cầu cấp thiết, nhằm triển khai thực hiện Hiến pháp năm 2013, đảm bảo tính hợp hiến, tính chặt chẽ, nhưng cũng đảm bảo tính linh hoạt của Luật ĐƯQT, phục vụ chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

Dự thảo Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế (sửa đổi) (sau đây gọi tắtlà Luật ĐƯQT (sửa đổi)) được xây dựng trên cơ sở những mục tiêu, quan điểm và những yêu cầu cơ bản sau đây:

Một là, thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về đối ngoại, đặc biệt là chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Luật ĐƯQT (sửa đổi) phải tạo được khung pháp lý vừa chặt chẽ, vừa linh hoạt, đáp ứng nhu cầu ký kết và thực hiện ĐƯQT phù hợp với lợi ích của đất nước. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp nhằm tạo điều kiện cho việc xây dựng, hình thành những cam kết quốc tế đem lại và bảo vệ lợi ích tối đa cho đất nước. Quyền chủ động của các cơ quan trong đề xuất ký kết và triển khai thực hiện các ĐƯQT phải đi kèm với trách nhiệm, có cơ chế phân công, phối hợp, kiểm tra.

Hai là, triển khai thực hiện các quy định mới của Hiến pháp năm 2013, bổ sung, điều chỉnh các nội dung về thẩm quyền cũng như thủ tục, quy trình để thực hiện thẩm quyền hiến định của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực ĐƯQT, tôn trọng và góp phần triển khai thực hiện, bảo vệ các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, nguyên tắc dân chủ, pháp quyền đã được nêu bật trong Hiến pháp năm 2013.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế nhằm thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các cam kết quốc tế của Việt Nam, thực hiện quy định tại Điều 12 Hiến pháp: *"Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam… tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên"*. Hình thành một quy trình nhất quán, liên tục giữa ký kết và thực hiện ĐƯQT, theo đó làm rõ trách nhiệm của cơ quan đề xuất và các cơ quan khác

xuyên suốt từ giai đoạn chuẩn bị, tổ chức đàm phán tới chấp nhận sự ràng buộc của ĐƯQT và tổ chức thực hiện ĐƯQT.

Bốn là, nội dung của Luật phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, phù hợp với luật pháp quốc tế và các luật liên quan; kế thừa, tiếp tục hoàn thiện và phát triển những quy định của Luật ĐƯQT hiện hành còn phù hợp với thực tế; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; có tham khảo pháp luật các nước; đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển và hội nhập của đất nước trong giai đoạn mới.

III. TÊN GỌI CỦA LUẬT

Chính phủ kiến nghị sửa tên Luật từ "Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế" thành "Luật Điều ước quốc tế" vì các lý do sau: (i) Tên gọi như hiện nay của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế chưa bao quát hết phạm vi điều chỉnh của Luật bao gồm ký kết, bảo lưu, lưu chiểu, lưu trữ, sao lục, công bố, đăng ký, thực hiện, giải thích, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT; (ii) Phù hợp với thực tiễn quốc tế, ví dụ: "Công ước Viên về Luật điều ước", "Luật về các điều ước quốc tế của Liên bang Nga", "Luật về trình tự ký kết điều ước nước CHND Trung Hoa"; chương "Ký kết điều ước" trong Luật về Đối ngoại của Estonia; (iii) Bảo đảm tính khái quát, dễ hiểu, đồng thời cũng phù hợp với thực tiễn các nước và thực tiễn xây dựng luật của ta.

IV. NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHỦ YẾU

Dự thảo Luật ĐƯQT (sửa đổi) gồm 9 chương với 90 điều, giảm 17 điều so với 107 điều của Luật ĐƯQT năm 2005, trong đó giữ nguyên nội dung 10 điều, sửa đổi 73 điều (sửa đổi nội dung và sắp xếp lại thành 60 điều trong dự thảo), bỏ 24 điều và bổ sung 20 điều mới, thay đổi vị trí của một số điều cho phù hợp bố cục mới của dự thảo Luật. Tương tự Luật ĐƯQT năm 2005, các quy định của Luật được sắp xếp theo trình tự của hoạt động ký kết ĐƯQT, bắt đầu từ đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập tới hiệu lực, thông báo đối ngoại, tổ chức thực hiện ĐƯQT, quản lý nhà nước và giám sát việc ký kết và thực hiện ĐƯQT. Dự thảo gộp các nội dung thuộc các giai đoạn ký kết ĐƯQT, gồm cả vấn đề gia nhập và bảo lưu ĐƯQT vào cùng chương Ký kết ĐƯQT và bổ sung hai chương mới – Chương "Trình tự, thủ tục rút gọn" và Chương "Thủ tục đối ngoại".

Các sửa đổi, bổ sung, quy định mới của dự thảo Luật tập trung thực hiện các mục tiêu đặt ra đối với việc sửa đổi Luật, cụ thể như sau:

1. Về căn cứ ban hành

Dự thảo Luật chỉnh lý lại căn cứ ban hành cho phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và quy định hiện hành về thể thức văn bản luật. Theo đó, thay cụm từ:

"Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10" bằng cụm từ *"Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam";* thay cụm từ *"Luật này quy định về việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế"* bằng cụm từ *"Quốc hội ban hành Luật Điều ước quốc tế"*.

2. Về phạm vi điều chỉnh và định nghĩa ĐƯQT

Dự thảo Luật Điều ước quốc tế xác định phạm vi điều chỉnh của Luật bao gồm việc ký kết, bảo lưu, lưu chiểu, lưu trữ, sao lục, công bố, đăng ký, thực hiện, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT (Điều 1). Nói cách khác, so với Luật 2005, dự thảo Luật bỏ cụm từ "gia nhập" trong quy định về phạm vi điều chỉnh, do "gia nhập" là một nội dung trong hoạt động "ký kết" (định nghĩa tại khoản 10, Điều 2 của Dự thảo Luật).

Khái niệm "điều ước quốc tế" được chỉnh sửa phù hợp với quy định của Công ước Viên về Luật điều ước năm 1969, theo đó ĐƯQT được hiểu là "thỏa thuận bằng văn bản được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ với một hoặc nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của luật pháp quốc tế, *làm phát sinh, thay đổi quyền, nghĩa vụ của Việt Nam theo pháp luật quốc tế"* (khoản 1 Điều 2). Như vậy, đối với các *văn bản thỏa thuận được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ* nhưng không có giá trị ràng buộc pháp lý quốc tế thì việc ký kết và thực hiện không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này. Các văn bản đối ngoại được điều chỉnh theo các quy định về quản lý các hoạt động đối ngoại và về thẩm quyền, chức năng của các cơ quan tham gia hoạt động đối ngoại. Các thỏa thuận vay ký với ngân hàng, cơ quan nước ngoài *chỉ nhân danh ngân hàng, cơ quan đó* cũng sẽ không được điều chỉnh bởi Luật này.

Ngoài ra, *"chủ thể khác của luật pháp quốc tế"* được hiểu bao gồm các phong trào giải phóng dân tộc, các vùng lãnh thổ và các thực thể khác thiếu một trong các thành tố để trở thành quốc gia nhưng vẫn được công nhận là chủ thể của luật pháp quốc tế (khoản 3 Điều 2) như: Toà thánh Vatican, Hồng Công, Nhà nước Pa-lét-xtin, một số Vùng hoặc Cộng đồng của quốc gia được giao quyền ký ĐƯQT trong những lĩnh vực nhất định.

Việc điều chỉnh lại định nghĩa về điều ước quốc tế hẹp hơn so với định nghĩa cũ tại Luật 2005 sẽ khắc phục vướng mắc như đã nêu tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật ĐƯQT năm 2005, tạo điều kiện cho việc áp dụng thủ tục ký kết cũng như triển khai thực hiện ĐƯQT.

3. Ký kết ĐƯQT (Chương II)

a) Đàm phán ĐƯQT (Mục 1): Theo Luật hiện hành, đàm phán và ký ĐƯQT được quy định gộp trong cùng một mục, với quy định về thẩm quyền, các bước thủ tục và hồ sơ như nhau. Trên thực tế, một số ĐƯQT có thể xin phép đàm phán và ký cùng một thời điểm, nhưng cũng có nhiều trường hợp cần phải tiến hành thủ tục xin phép đàm phán và thủ tục xin phép ký riêng biệt. Quy định trong Luật hiện hành có thể được giải thích là khi đề xuất đàm phán và đề xuất ký được thực hiện riêng biệt thì thủ tục đàm phán, ký phải thực hiện theo các bước giống hệt nhau (xin ý kiến Bộ, ngành, ý kiến kiểm tra, ý kiến thẩm định…). Tuy nhiên, một số yêu cầu về các bước thích hợp đối với thủ tục ký ĐƯQT lại không thích hợp trong khâu đàm phán và ngược lại. Ví dụ, việc xin ý kiến về chủ trương, phương án đàm phán, xây dựng dự thảo của Việt Nam chỉ thích hợp khi chuẩn bị đàm phán; việc thẩm định, kiểm tra ĐƯQT chỉ có ý nghĩa khi văn bản đã sơ bộ được thỏa thuận với đối tác, chuẩn bị ký. Trong một số trường hợp, việc thực hiện các bước giống hệt nhau đối với đề xuất đàm phán và đề xuất ký cũng dẫn đến thủ tục kéo dài, không đáp ứng được nhu cầu đối ngoại.

Nhằm khắc phục vướng mắc này, dự thảo bổ sung một mục (Mục 1 Chương II) về Đàm phán ĐƯQT gồm 6 điều, tách riêng với Mục Đề xuất ký ĐƯQT. Trong trường hợp trước khi đàm phán, cơ quan đề xuất đã tập hợp được đầy đủ tài liệu cần thiết trong hồ sơ đề xuất ký điều ước quốc tế thì có thể đồng thời đề xuất đàm phán và ký điều ước quốc tế (Điều 13).

Quy trình đàm phán ĐƯQT theo mục này là một quy trình chuẩn, gồm các bước từ chuẩn bị đàm phán (Điều 9) đến tổ chức đàm phán (Điều 12). Dự thảo quy định trách nhiệm của cơ quan đề xuất ngay từ giai đoạn chuẩn bị đàm phán ĐƯQT đã phải đánh giá tác động sơ bộ về kinh tế, chính trị và các tác động khác; rà soát sơ bộ tính tương thích của ĐƯQT dự kiến đàm phán với quy định pháp luật trong nước và các ĐƯQT trong cùng một lĩnh vực. Trong quá trình tổ chức đàm phán, cơ quan đề xuất có trách nhiệm xây dựng và kiến nghị phương án đàm phán và dự thảo ĐƯQT của phía Việt Nam; tham vấn tổ chức đại diện cộng đồng chịu sự tác động trực tiếp của ĐƯQT (trong đó bao gồm cộng đồng doanh nghiệp) trong quá trình đàm phán ĐƯQT. Hồ sơ về việc đàm phán có những tài liệu cần thiết tùy theo kiến nghị về việc đàm phán, đặc biệt trong trường hợp kiến nghị về việc kết thúc đàm phán thì cần có dự thảo ĐƯQT thể hiện phương án kết thúc đàm phán (Điều 11).

Dự thảo Luật làm rõ các thẩm quyền hiến định về đàm phán ĐƯQT, trong đó có quyền "quyết định đàm phán" của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ đối với loại ĐƯQT tương ứng, thẩm quyền này bao gồm thẩm quyền cho phép bắt đầu đàm phán, ủy quyền đàm phán, chủ trương đàm phán và kết thúc đàm phán (Điều 10). Chính phủ "tổ chức đàm phán" thông qua việc phân công cơ quan đề xuất và các cơ quan liên quan thành lập đoàn đàm phán trong trường

hợp cần thiết, xây dựng và triển khai phương án đàm phán, tổ chức tham vấn cộng đồng chịu tác động trực tiếp (Điều 12).Thủ tướng Chính phủ "chỉ đạo đàm phán" thông qua việcquyết định phương án đàm phán, duyệt dự thảo ĐƯQT của phía Việt Nam, quyết định xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình đàm phán (Điều 12).

b) Đề xuất ký ĐƯQT (Mục 2)

Mục này quy định trách nhiệm đề xuất ký, thẩm quyền quyết định ký và hồ sơ trình về việc ký ĐƯQT. Thẩm quyền quyết định ký ĐƯQT được quy định phù hợp với Hiến pháp năm 2013, theo đó Chủ tịch nước quyết định ký ĐƯQT nhân danh Nhà nước; Chính phủ quyết định ký ĐƯQT nhân danh Chính phủ. Trước khi trình Chính phủ về việc ký ĐƯQT, cơ quan đề xuất phải lấy ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

Nhằm làm cho Luật đơn giản, bớt cồng kềnh, dự thảo Luật sửa đổi theo hướng không quy định một điều riêng về trình tự, thủ tục, do việc mô tả các bước trình tự, thủ tục chỉ diễn đạt lại quy định về thẩm quyền (ví dụ: nội dung "cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc ký" đã được thể hiện trong nội dung "cơ quan có thẩm quyền đề xuất ký" và "Chính phủ có thẩm quyền quyết định ký trên cơ sở đề xuất của cơ quan có thẩm quyền đề xuất ký"). Dự thảo giữ nguyên quy định về thời hạn cho ý kiến, thời hạn kiểm tra, thẩm định của các cơ quan cấp Bộ, nhưng bỏ quy định về thời hạn để Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định về việc ký ĐƯQT do quyết định của Chính phủ, Chủ tịch nước còn là quyết định chính trị, hơn nữa thời hạn này không phù hợp với thực tế nhu cầu đối ngoại.

Vấn đề thủ tục xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quốc hội trước khi ký ĐƯQT có quy định trái hoặc chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội có liên quan chặt chẽ đến thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội. Hiến pháp năm 2013 (khoản 14 Điều 70) quy định các ĐƯQT thuộc thẩm quyền Quốc hội phê chuẩn sau khi ký, vì vậy Chủ tịch nước, Chính phủ không nhất thiết phải xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội trước khi ký, phê chuẩn, gia nhập loại ĐƯQT đó. Tuy nhiên, đối với loại ĐƯQT "trái pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội", do Hiến pháp không quy định loại điều ước nêu trên thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội, việc xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội trước khi ký, phê chuẩn, gia nhập loại điều ước này là cần thiết để bảo đảm tôn trọng thẩm quyền ban hành pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội (điều 15 và 43).

Mục 2 cũng quy định nội dung kiểm tra, thẩm định, yêu cầu về hồ sơ kiểm tra, thẩm định ĐƯQT. So với Luật 2005, dự thảo Luật bổ sung một điều về hồ sơ kiểm tra ĐƯQT.

c) Ủy quyền đàm phán, ký ĐƯQT, ủy nhiệm tham dự hội nghị quốc tế (Mục 3): Mục này gồm 01 điều quy định về bước tiếp theo trong quy trình ký kết ĐƯQT, yêu cầu phải có ủy quyền đàm phán, ký ĐƯQT, ủy nhiệm tham dự hội nghị ĐƯQT, người được ủy quyền, ủy nhiệm. Trình tự, thủ tục cấp Giấy ủy quyền, Giấy ủy nhiệm thực hiện theo quy định tại Chương Thủ tục đối ngoại.

d) Tổ chức ký ĐƯQT (Mục 4): Mục này quy định việc rà soát, đối chiếu văn bản trước khi ký, tổ chức lễ ký, việc ký ĐƯQT nhân chuyến thăm của đoàn cấp cao và trách nhiệm gửi văn bản ĐƯQT sau khi ký. Nội dung mục này không thay đổi so với Luật 2005.

đ) Phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập, bảo lưu ĐƯQT (Mục 5, 6, 7, 8 Chương II):

Do gia nhập và bảo lưu ĐƯQT cũng là những hành vi ký kết hoặc liên quan chặt chẽ đến việc ký kết ĐƯQT nên nội dung về gia nhập, bảo lưu ĐƯQT được quy định thành các mục của Chương II, không nằm trong các chương riêng như trong Luật 2005.

Thẩm quyền phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập ĐƯQT cũng như các loại ĐƯQT phải phê chuẩn, phê duyệt được chỉnh sửa phù hợp với quy định tại Hiến pháp năm 2013. Dự thảo Luật thể hiện lại quy định tại khoản 14 Điều 70 về thẩm quyền của Quốc hội quyết định phê chuẩn, gia nhập ĐƯQT liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia của nước CHXHCN Việt Nam, ĐƯQT khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội; kế thừa quy định hiện hành của Luật năm 2005 về "ĐƯQT mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, ban hành hành luật, nghị quyết của Quốc hội". Dự thảo Luật cụ thể hoá quy định của Hiến pháp về ĐƯQT về "tư cách thành viên của CHXHCN Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng" thuộc thẩm quyền quyết định phê chuẩn, gia nhập, chấm dứt hiệu lực của Quốc hội, đó là ĐƯQT về việc thành lập, tham gia tổ chức quốc tế và khu vực mà nếu tham gia, rút khỏi tổ chức quốc tế đó ảnh hưởng đến chính sách cơ bản về đối ngoại, về phát triển kinh tế - xã hội, về tài chính, tiền tệ (khoản 4 Điều 29). Đây là các chính sách cơ bản thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội theo Điều 70 Hiến pháp 2013.

Dự thảo Luật cũng làm rõ "ĐƯQT về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân thuộc thẩm quyền của Quốc hội quyết định phê chuẩn, gia nhập" để khắc phục vướng mắc do cách giải thích khác nhau về vấn đề này trong thời gian vừa qua như sau: ĐƯQT có bản chất, mục tiêu và nội dung chính là công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm, làm rõ nội hàm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quy định nghĩa vụ, trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ, thúc đẩy và trừng trị hành vi xâm phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội (khoản 5 Điều 29). Quy định này nhằm mục đích phân biệt các ĐƯQT về quyền con người, quyền

và nghĩa vụ cơ bản của công dân với các ĐƯQT về hợp tác chuyên ngành có liên quan đến quyền của cá nhân, nhưng không trực tiếp điều chỉnh quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân như: ĐƯQT về tương trợ tư pháp, dẫn độ, chuyển giao người bị thi hành án phạt tù, nuôi con nuôi, phòng chống tội phạm và các ĐƯQT về hợp tác chuyên ngành khác.

Tương tự như Mục 2, trong Mục 5, 6, 7, 8, dự thảo Luật bỏ những điều quy định riêng về các bước chi tiết để thực hiện quy trình, thủ tục, do các nội dung này ít khả thi, không linh hoạt và làm cho Luật cồng kềnh, khó theo dõi, nhưng các nội dung cần thiết về cơ bản không thay đổi.

4. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT (Chương III); Lưu chiểu, lưu trữ, sao lục, công bố ĐƯQT (Chương IV)

Dự thảo lược bỏ các điều khoản đã được luật pháp quốc tế quy định và chỉ có ý nghĩa trong quan hệ giữa các quốc gia, không có ý nghĩa khi đưa vào Luật ĐƯQT điều chỉnh quan hệ trong nước hoặc chỉ mang tính chất giải thích, có ý nghĩa về học thuật, nghiên cứu hơn là ý nghĩa quy phạm pháp luật (như: căn cứ chấm dứt hiệu lực của ĐƯQT, vấn đề giải thích ĐƯQT - mục 2 Chương VII Luật ĐƯQT năm 2005)… Những nội dung cần thiết, mang tính pháp lý, thể hiện thẩm quyền, sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong xử lý các vấn đề phát sinh sau khi ký ĐƯQT được sửa đổi phù hợp với quy định về thẩm quyền trong Hiến pháp năm 2013.

Liên quan đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT, dự thảo Luật bổ sung quy định *"việc ký kết điều ước quốc tế mới để sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế được thực hiện theo quy định tại Chương II của Luật này"* (khoản 2 Điều 55), do thời gian vừa qua có sự giải thích khác nhau về thủ tục cần áp dụng trong trường hợp ký ĐƯQT mới để sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT.

Tại Chương IV – Lưu trữ, sao lục, công bố ĐƯQT, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc cấp bản sao ĐƯQT theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và phục vụ hoạt động tố tụng trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp bản sao ĐƯQT, dự thảo Luật bổ sung hai điều mới quan trọng: về cấp bản sao ĐƯQT mà Việt Nam là thành viên được lưu chiểu tại Bộ Ngoại giao theo quy định của pháp luật liên quan (Điều 62) và về việc công khai toàn văn ĐƯQT, thông tin về hiệu lực của ĐƯQT đối với Việt Nam trêncơ sở dữ liệu ĐƯQT do Bộ Ngoại giao xây dựng và vận hành (Điều 63).

5. Thực hiện ĐƯQT (Chương V)

Chương V (Thực hiện ĐƯQT) sửa đổi một số nội dung liên quan đến kế hoạch thực hiện ĐƯQT để việc xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện ĐƯQT, trong đó trách nhiệm của cơ quan đề xuất trong việc xây dựng kế hoạch

thực hiện ĐƯQT có sự kết nối với giai đoạn trước khi ký, chấp nhận sự ràng buộc của ĐƯQT đối với Việt Nam.

Dự thảo làm rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong tổ chức thực hiện ĐƯQT, đặc biệt là cơ quan đề xuất, cụ thể là: Xây dựng lộ trình và biện pháp cụ thể để thực hiện ĐƯQT; kiến nghị hoặc ban hành, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện ĐƯQT; chủ trì, phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc tiến hành biện pháp chỉ đạo, điều hành hoặc biện pháp khác để thực hiện điều ước quốc tế; chủ trì tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến điều ước quốc tế; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ những biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp ĐƯQT do cơ quan mình đề xuất ký kết bị vi phạm; báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình.

Dự thảo thay thế các điều khoản về giải thích ĐƯQT trong Luật ĐƯQT năm 2005 (Điều 74-79) bằng quy định về trách nhiệm của cơ quan đề xuất phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức liên quan kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định cách hiểu và áp dụng quy định của ĐƯQT trong trường hợp có ý kiến khác nhau (khoản 8 Điều 68 dự thảo Luật). Các nội dung quy định tại các Điều 74-79 Luật ĐƯQT năm 2005 đã được Công ước Viên năm 1969 về Luật ĐƯQT quy định và chỉ có ý nghĩa trong quan hệ giữa các quốc gia. Hơn nữa, trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ ra văn bản giải thích ĐƯQT nhưng phía nước ngoài không chấp nhận thì việc giải thích ĐƯQT theo quy định tại các Điều 74-79 Luật ĐƯQT năm 2005 trở nên bất hợp lý. Vì vậy, khoản 8 Điều 68 dự thảo Luật sử dụng khái niệm *"cách hiểu và áp dụng quy định của ĐƯQT"* thay cho khái niệm "giải thích ĐƯQ". Việc thống nhất về cách hiểu quy định của ĐƯQT giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân của Việt Nam để thống nhất thực hiện thuộc thẩm quyền "tổ chức thực hiện ĐƯQT" của Thủ tướng Chính phủ theo khoản 5 Điều 98 Hiến pháp.

Dự thảo cũng bổ sung quy định trong trường hợp cơ quan đề xuất không phải là cơ quan chủ trì thực hiện điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ quan chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế (khoản 2 Điều 64).

6. Thủ tục đối ngoại về ĐƯQT (Chương VI)

Thủ tục đối ngoại về ĐƯQT bao gồm cấp giấy ủy quyền, ủy nhiệm thư, thông báo về việc phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập, trao đổi văn kiện phê chuẩn, phê duyệt, thông báo thông tin về việc thực hiện ĐƯQT (ví dụ chỉ định, thay đổi cơ quan thực hiện)… Nguyên tắc chung của việc thực hiện thủ tục đối ngoại là: sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Bộ Ngoại giao làm thủ tục đối

ngoại về ĐƯQT (trừ trường hợp ĐƯQT có quy định khác), cơ quan đề xuất cần phối hợp với Bộ Ngoại giao để cung cấp các thông tin cần thiết. Trong Luật hiện hành, thủ tục đối ngoại về ĐƯQT được quy định rải rác ở các chương, mục khác nhau nhưng có nội dung tương tự nhau. Việc thực hiện thủ tục đối ngoại theo các quy định này không có vướng mắc, tuy nhiên do quy định lặp lại ở nhiều chương, mục nên làm cho Luật cồng kềnh, khó theo dõi.

Dự thảo Luật quy định ngắn gọn về thủ tục đối ngoại ĐƯQT trong một Chương, kế thừa nội dung các quy định liên quan của Luật hiện hành và không ảnh hưởng đến nguyên tắc, nội dung đã được thực hiện tốt trong thời gian vừa qua.

7. Trình tự, thủ tục rút gọn (Chương VII)

Luật ĐƯQT năm 2005 không có sự phân biệt về thủ tục đàm phán, ký giữa những ĐƯQT phức tạp, quan trọng, mới, đòi hỏi thận trọng và ĐƯQT đơn giản hoặc theo mẫu, đã ký với các đối tác khác về cùng vấn đề. Điều đó dẫn đến phải áp dụng cùng một thủ tục xin ý kiến, kiểm tra, thẩm định đối với một số ĐƯQT đơn giản, theo mẫu cố định, phù hợp với chủ trương đã được cấp có thẩm quyền quyết định, hoặc để thực hiện một thỏa thuận trước đó, như điều ước về thiết lập quan hệ ngoại giao, miễn thị thực, thương mại một số mặt hàng. Thực tiễn phát sinh yêu cầu cần có thủ tục nhanh/thủ tục rút gọn cho một số loại ĐƯQT để phục vụ yêu cầu đối ngoại và hội nhập. Về thực tiễn quốc tế, đa số các nước không có quy định về thủ tục rút gọn, nhưng thông thường ở các nước này, việc đề xuất đàm phán, ký ĐƯQT được ủy quyền hầu như toàn bộ cho một đầu mối (Bộ Ngoại giao), thủ tục đề xuất đàm phán, ký khá nhanh gọn khi các vấn đề về nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền đồng ý. Một số nước có quy định về thủ tục đơn giản hơn đối với một số loại điều ước (như "điều ước đơn giản", "thỏa thuận hành pháp"…).

Dự thảo Luật bổ sung một Chương về trình tự, thủ tục rút gọn về đàm phán, ký, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, áp dụng đối với các loại ĐƯQT, gồm: ĐƯQT có nội dung tương tự về cùng lĩnh vực với các ĐƯQT đã ký kết, ĐƯQT theo mẫu với cùng một bên nước ngoài hoặc để phục vụ nhu cầu đối ngoại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Theo thủ tục rút gọn, các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn ngắn hơn so với thủ tục thông thường; hồ sơ lấy ý kiến kiểm tra, ý kiến thẩm định, hồ sơ trình về việc ký điều ước quốc tế không cần phải có Báo cáo đánh giá tác động về chính trị, kinh tế, xã hội và những tác động khác của điều ước quốc tế, Báo cáo đánh giá sự tương thích của điều ước quốc tế với điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; Báo cáo đánh giá sự phù hợp giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam

(nhưng dự thảo Tờ trình về việc ký điều ước quốc tế phải có những nội dung này).

Để phù hợp với đặc thù của loại điều ước về vay nợ nước ngoài, cũng như để đáp ứng yêu cầu hài hòa hóa quy định về thủ tục giữa Luật quản lý nợ công và Luật ĐƯQT (sửa đổi), dự thảo Luật quy định trình tự, thủ tục đàm phán, ký, phê duyệt, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ về vay nợ nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công (khoản 3 Điều 77).

Chương này cũng quy định rõ thủ tục rút gọn không áp dụng đối với việc đàm phán, ký, sửa đổi, bổ sung, gia nhập ĐƯQT thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội, do đây là những loại ĐƯQT quan trọng đòi hỏi phải thực hiện quy trình, thủ tục hết sức chặt chẽ (khoản 2 Điều 77). Về nguyên tắc, dự thảo Luật không quy định thủ tục rút gọn cho việc phê chuẩn, phê duyệt ĐƯQT do phê chuẩn, phê duyệt ĐƯQT thường không có yêu cầu gấp về thời gian, hơn nữa đây là khâu cần tiến hành cẩn trọng trước khi chấp nhận sự ràng buộc của ĐƯQT đối với Việt Nam.

8. Quản lý nhà nước về ĐƯQT, giám sát hoạt động ký kết và thực hiệnĐƯQT (Chương VIII)

Chương này quy định về nội dung quản lý nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước về ĐƯQT và trách nhiệm giám sát hoạt động ký kết và thực hiện ĐƯQT, về cơ bản giữ nguyên các quy định của Luật hiện hành do phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân. So với Luật hiện hành, dự thảo Luật ĐƯQT (sửa đổi) làm rõ và nhấn mạnh phạm vi giám sát bao gồm cả việc ký kết cũng như thực hiện ĐƯQT (khoản 1 Điều 85).

9. Điều khoản thi hành (Chương IX)

Kế thừa Luật năm 2005, dự thảo Luật quy định kinh phí cho công tác ĐƯQT được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và giao Chính phủ quy định cụ thể việc cấp, sử dụng và quản lý kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác ĐƯQT.

V. CƠ CẤU VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Về cơ cấu chương, mục, điều

Dự thảo Luật về cơ bản tiếp tục duy trì kết cấu của Luật ĐƯQT hiện hành với 9 chương, 90 điều (Luật 2005 được kết cấu thành 9 chương với 107 điều).

- Cơ cấu chương: dự thảo Luật giữ nguyên cơ cấu 9 chương như Luật năm 2005, với một số điều chỉnh: (1) chuyển Chương III về "Gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên" và Chương IV về "Bảo lưu điều ước quốc tế nhiều bên" thành các mục trong Chương II của dự thảo về "Ký kết điều ước quốc tế"; (2) bổ sung hai

Chương mới về "Trình tự, thủ tục rút gọn" và "Thông báo đối ngoại", trong đó nội dung Chương "Trình tự, thủ tục rút gọn" (Chương VII) là các nội dung hoàn toàn mới (như đã trình bày tại điểm 7, Mục III trên đây); Chương "Thủ tục đối ngoại" (Chương VI) thực chất không có nội dung gì mới mà chỉ để nhóm lại tất cả các quy định liên quan đến thủ tục đối ngoại đã nêu tại các Điều 24, 41, 47, 53, 55, 59, 60, 64, 70, 84, 96 của Luật năm 2005 nhằm làm cho Luật được gọn nhẹ, dễ tra cứu.

- Cơ cấu mục: sự điều chỉnh quan trọng nhất là tại Chương II về "Ký kết điều ước quốc tế", dự thảo đã *tách riêng các quy định về đàm phán và về ký*. Trong Luật 2005, đàm phán và ký ĐƯQT được quy định gộp trong cùng một mục, với quy định về thẩm quyền, các bước thủ tục và hồ sơ như nhau. Trên thực tế, một số điều ước có thể xin phép đàm phán và ký cùng một thời điểm, nhưng cũng có nhiều trường hợp cần phải tiến hành thủ tục đề xuất đàm phán và thủ tục đề xuất ký riêng biệt. Một số yêu cầu về các bước thích hợp đối với thủ tục ký điều ước lại không thích hợp trong khâu đàm phán và ngược lại, như việc xin ý kiến về chủ trương, phương án đàm phán, xây dựng dự thảo ĐƯQT chỉ thích hợp khi chuẩn bị đàm phán; việc thẩm định, kiểm tra chỉ có ý nghĩa khi văn bản đã được thống nhất sơ bộ với đối tác, chuẩn bị ký. Trong một số trường hợp, việc thực hiện các bước giống hệt nhau đối với đề xuất đàm phán và đề xuất ký cũng dẫn đến thủ tục nặng nề, kéo dài, không đáp ứng được nhu cầu đối ngoại.Dự thảo Luật tách Mục "Đề xuất đàm phán, ký ĐƯQT" của Luật 2005 thành 02 mục riêng: Mục về đàm phán ĐƯQT quy định trách nhiệm đề xuất, thẩm quyền quyết định và hồ sơ trình về việc đàm phán; Mục về ký ĐƯQT quy định trách nhiệm đề xuất ký, thẩm quyền quyết định ký và hồ sơ trình về việc ký ĐƯQT.

- Cơ cấu điều: So với Luật hiện hành, dự thảo Luật giữ nguyên nội dung 10 điều, sửa đổi 73điều (sửa đổi nội dung và sắp xếp lại thành 60 điều trong dự thảo), bỏ 24 điều và bổ sung 20 điều mới,thay đổi số thứ tự của các điều cho phù hợp bố cục mới của dự thảo Luật.

2. Về nội dung từng chương, điều của dự thảo Luật

2.1. Chương I: Những quy định chung

Chương này gồm 7 điều quy định về phạm vi điều chỉnh (Điều 1), giải thích từ ngữ (Điều 2), nguyên tắc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế (Điều 3), danh nghĩa ký kết điều ước quốc tế (Điều 4), chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế (Điều 5), ngôn ngữ, hình thức của điều ước quốc tế (Điều 6), điều ước quốc tế và quy định của pháp luật trong nước (Điều 7).

Về bố cục, dự thảo Luật chuyển Điều 16 của Luật hiện hành quy định về

ngôn ngữ, hình thức của điều ước quốc tế vào Điều 6; chuyển Điều 4 và Điều 5 của Luật hiện hành về quản lý nhà nước đối với công tác điều ước quốc tế xuống Chương VIII (Điều 82 và Điều 83).

2.2. Chương II: Ký kết điều ước quốc tế

Chương này gồm 08 Mục với 40 điều, từ Điều 8 đến Điều 52, bao gồm:

- 06 điều quy định về đàm phán điều ước quốc tế (Mục 1, từ Điều 8 đến Điều 13) và 09 điều quy định về đề xuất ký điều ước quốc tế (Mục 2, từ Điều 14 đến Điều 22). Trong hai Mục này, dự thảo Luật sửa đổi các quy định của Luật hiện hành để phù hợp với quy định của Hiến pháp 2013 về thẩm quyền của Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc quyết định, cho phép đàm phán, ký điều ước quốc tế. Về bố cục, tách mục "Đề xuất đàm phán, ký điều ước quốc tế" của Luật hiện hành thành 02 mục riêng về "Đàm phán điều ước quốc tế" và "Đề xuất ký điều ước quốc tế", với lý do như đã trình bày tại điểm 1, Mục IV của Bản thuyết minh. Bổ sung 01 điều (Điều 15) về việc Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc ký điều ước quốc tế có quy định trái pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, trên cơ sở kế thừa các nội dung về vấn đề này quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 3 Điều 11; điểm d, khoản 4 Điều 12 và Điều 13 Luật hiện hành. Chuyển nội dung quy định về thẩm định ĐƯQT của Bộ Tư pháp quy định tại các điều từ Điều 17 đến Điều 21 Luật 2005 vào mục "Đề xuất ký điều ước quốc tế" (Điều 21 và 22 của dự thảo Luật) để đảm bảo tính hợp lý về bố cục, cùng với quy định về kiểm tra điều ước quốc tế của Bộ Ngoại giao (Điều 19 và 20 của dự thảo Luật).

- 01 điều quy định về ủy quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế và ủy nhiệm tham dự hội nghị quốc tế (Mục 3, Điều 23). Điều này được soạn thảo lại trên cơ sở nội dung của các điều từ Điều 22 đến Điều 24 Luật hiện hành, nhằm làm cho Luật được gọn nhẹ.

- 05 điều về tổ chức ký điều ước quốc tế (Mục 4, từ Điều 24 đến Điều 28). Mục này cơ bản kế thừa nội dung quy định tại Mục 4, Chương II của Luật 2005,tuy nhiên đã loại bỏ Điều 26 Luật 2005 về "xác thực văn bản điều ước quốc tế" do không có ý nghĩa áp dụng thực tế. Về bố cục, Mục này có thêm Điều 28 về "trao đổi văn kiện tạo thành điều ước quốc tế" được chuyển từ Điều 48 Luật 2005 lên.

- 09 điều về phê chuẩn điều ước quốc tế (Mục 5, từ Điều 29 đến Điều 37). Cơ bản giữ nguyên bố cục của Mục 5 Chương II Luật ĐƯQT hiện hành. Về nội dung, dự thảo Luật quy định rõ các loại điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền quyết định phê chuẩn của Quốc hội theo khoản 14 Điều 70 Hiến pháp (Điều 29 của dự thảo).

- 04 điều quy định về phê duyệt điều ước quốc tế (Mục 6, từ Điều 38 đến Điều 41), cơ bản giữ nguyên nội dung của Mục 6, Chương II Luật 2005. Để đảm bảo phù hợp với Hiến pháp, dự thảo Luật cũng quy định rõ các điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ nếu thuộc thẩm quyền phê chuẩn của Quốc hội thì phải trình Quốc hội phê chuẩn.

- 06 điều quy định về gia nhập điều ước quốc tế (Mục 7, từ Điều 42 đến Điều 47), cơ bản giữ nguyên các quy định tại Chương III Luật 2005. Về nội dung, để đảm bảo phù hợp với Hiến pháp, dự thảo Luật quy định rõ những điều ước quốc tế nhiều bên thuộc thẩm quyền quyết định gia nhập của Quốc hội thì phải trình Quốc hội xem xét, quyết định. Về bố cục, Chương III của Luật hiện hành được chuyển thành Mục 7 này của Chương II để đảm bảo tính hợp lý, do "gia nhập" cũng là một nội dung trong hoạt động "ký kết" điều ước quốc tế.Bổ sung 01 điều (Điều 43) về việc Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc gia nhập điều ước quốc tế có quy định trái pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, trên cơ sở kế thừa các nội dung về vấn đề này quy định tại điểm c, khoản 4 và khoản 5 Điều 51 và khoản 3 Điều 52 của Luật hiện hành.

- 05 điều về bảo lưu điều ước quốc tế nhiều bên (Mục 8, từ Điều 48 đến Điều 52). Nội dung của Chương IV Luật hiện hành cơ bản được kế thừa và đưa vào Mục 8 này để đảm bảo tính hợp lý về bố cục của Luật.

2.3. Chương III: Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế

Chương này gồm 5 điều từ Điều 53 đến Điều 57. Nội dung Chương này được kế thừa các quy định liên quan nằm rải rác tại Chương V và Mục 3, Mục 4 Chương VII của Luật hiện hành với cách thể hiện cô đọng, thực chất hơn, đồng thời loại bỏ các quy định chỉ có giá trị điều chỉnh quan hệ giữa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài, không có giá trị áp dụng trong nước.

2.4. Chương IV: Lưu chiểu, lưu trữ, sao lục, công bố điều ước quốc tế

Chương này gồm 6 điều từ Điều 58 đến Điều 63, kế thừa bố cục và nội dung của Chương VI Luật hiện hành đồng thời bổ sung 02 điều: Điều62 về cấp bản sao điều ước quốc tế; Điều 63 về cơ sở dữ liệu điều ước quốc tế của cả nước do Bộ Ngoại giao xây dựng và vận hành. Trong điều kiện khoa học công nghệ hiện đại, dự thảo Luật bỏ quy định về biên soạn và ấn hành Niên giám điều ước quốc tế của Việt Nam quy định tại khoản 3, Điều 69 Luật hiện hành; thay vào đó quy định cơ quan đề xuất ký kết có trách nhiệm đăng điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình (khoản 3, Điều 61 của dự thảo). Chuyển Điều 70 của Luật hiện hành về đăng ký điều ước quốc tế sang Chương VI về Thủ tục đối ngoại để đảm bảo bố cục hợp lý hơn (Điều 76 của dự thảo).

2.5. Chương V: Thực hiện điều ước quốc tế

Chương này gồm 6 điều từ Điều 64 đến Điều 69, kế thừa nội dung Mục 1 và Mục 2 Chương VII của Luật hiện hành. So với Luật 2005, dự thảo Luật làm rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong tổ chức thực hiện ĐƯQT, đặc biệt là cơ quan đề xuất (Điều 68). Dự thảo cũng bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp trong việc (Điều 66, 67), trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 69) trong việc thực hiện ĐƯQT.

2.6. Chương VI: Thủ tục đối ngoại

Chương này gồm 7 điều từ Điều 70 đến Điều 76. Tuy là một chương mới song Chương này không quy định nội dung mới; mục đíchcủa Chương này chỉ để nhóm lại tất cả các quy định liên quan đến thủ tục đối ngoại đã nêu rải rác trong nội dung các Điều 24, 41, 47, 53, 55, 59, 60, 64, 70, 84, 96 của Luật năm 2005 nhằm làm cho Luật gọn nhẹ, dễ tra cứu.

2.7. Chương VII: Trình tự, thủ tục rút gọn

Đây là một chương hoàn toàn mới gồm có 5 điều quy định về nguyên tắc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 77); đàm phán, ký điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 78); sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 79); gia hạn điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 80) và về từ chối áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 81).

Lý do của việc bổ sung Chương "Trình tự, thủ tục rút gọn" đã được trình bày tại điểm 7, Mục III của Bản thuyết minh.

2.8. Chương VIII: Quản lý nhà nước về điều ước quốc tế, giám sát hoạt động ký kết và thực hiện điều ước quốc tế

Chương này gồm 7 điều từ Điều 82 đến Điều 88 quy định về nội dung quản lý nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước về điều ước quốc tế (Điều 82 và 83) trên cơ sở kế thừa Điều 4 và Điều 5 của Luật 2005; quy định về việc giám sát hoạt động ký kết và thực hiện điều ước quốc tế (các Điều từ 84 đến 88) trên cơ sở kế thừa các Điều từ 100 đến 104 Luật 2005. Bỏ các điều về trách nhiệm của Bộ Ngoại giao (Điều 98), của cơ quan đề xuất (Điều 99) do đã được quy định rõ tại các điều, khoản trước đó.

2.9. Chương IX: Điều khoản thi hành

Chương này gồm 02 điều quy định về kinh phí đảm bảo cho công tác điều ước quốc tế (Điều 89) và về hiệu lực thi hành (Điều 90), cơ bản theo bố cục của Luật hiện hành nhưng bỏ quy định chuyển tiếp (Điều 106 Luật 2005) do không còn cần thiết.

Trên đây là nội dung thuyết minh chi tiết của toàn bộ dự thảo Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước (sửa đổi)./.